

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔ LƯƠNG
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2020/HS-ST
Ngày 31 - 03 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔ LƯƠNG – TỈNH NGHỆ AN

- **Thẩm phán:** Bà Lưu Thị Hồng Thê
- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Kỳ
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục rút gọn đối với vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 26/2020/TLST-HS ngày 20 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2020/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 3 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên **Nguyễn Đình T** - sinh ngày 20/01/1991 tại huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An; Tên gọi khác: không; Trú quán: xóm T, xã M, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An; Nghề nghiệp: lái xe; trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Đình K và bà Nguyễn Thị Đ; Vợ Lê Thị L – sinh năm 1994 và có 02 con; Tiền án, tiền sự: không. Bị tạm giữ từ ngày 03/3/2020 đến ngày 06/3/2020 và bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên **Nguyễn Đình N** - sinh ngày 23/02/1991 tại huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An; Tên gọi khác: không; Trú quán: xóm Đ, xã M, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An; Nghề nghiệp: lái xe; trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Đình T và con bà Nguyễn Thị T; Vợ Nguyễn Thị H - sinh năm 1993 và có 03 con; tiền sự: không; Tiền án: ngày 18/12/2013 bị TAND huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, đã thi hành xong hình phạt chính vào ngày 11/02/2016 và chưa chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm, tiền bồi thường thiệt hại cho người bị hại; ngày 31/12/2013 bị TAND huyện Đô Lương xử phạt 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt chính vào ngày 11/02/2016, chưa chấp hành tiền bồi thường thiệt hại cho người bị hại; Bị tạm giữ từ ngày 03/3/2020 đến ngày 06/3/2020 và bị áp

dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên **Nguyễn Trọng H** - sinh ngày 15/8/1976 tại huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An; Tên gọi khác: không; Trú quán: xóm Đ, xã M, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An; Nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ học vấn: 03/12; Dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Trọng A và bà Nguyễn Thị Đ; Vợ Phan Thị B – sinh năm 1978 và có 03 con; Tiền án, tiền sự: không. Bị tạm giữ từ ngày 03/3/2020 đến ngày 06/3/2020 và bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên **Nguyễn Trọng Đ** - sinh ngày 09/9/1979 tại huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An; Tên gọi khác: không; Trú quán: xóm T, xã M, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An; Nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Trọng Ng và bà Nguyễn Thị Tr; Vợ Trần Thị T – sinh năm 1980 và có 02 con; Tiền án, tiền sự: không. Bị tạm giữ từ ngày 03/3/2020 đến ngày 06/3/2020 và bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

5. Họ và tên **Nguyễn Đức B** - sinh ngày 07/10/1974 tại huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An; Tên gọi khác: không; Trú quán: xóm T, xã M, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An; Nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ học vấn: 05/12; Dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Trọng Th và bà Nguyễn Thị Th; Vợ Hoàng Thị M – sinh năm 1980 và có 02 con; Tiền án, tiền sự: không. Bị tạm giữ từ ngày 03/3/2020 đến ngày 06/3/2020 và bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

6. Họ và tên **Nguyễn Gia S** - sinh ngày 14/7/1970 tại huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An; Tên gọi khác: không; Trú quán: xóm T, xã M, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An; Nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ học vấn: 07/12; Dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Gia T và bà Lương Thị T; Vợ Nguyễn Thị C – sinh năm 1976 và có 04 con; Tiền án, tiền sự: không. Bị tạm giữ từ ngày 03/3/2020 đến ngày 06/3/2020 và bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nhận được tin báo của quần chúng, vào khoảng 23 giờ 30 phút ngày 02/3/2020, tại nhà riêng của Nguyễn Đình T ở xóm T, xã M, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An, Công an xã M đã bắt quả tang 06 đối tượng gồm T, Nguyễn Đình N, Nguyễn Trọng H, Nguyễn Trọng Đ, Nguyễn Đức B, Nguyễn Gia S đang đánh bạc trái phép dưới hình thức “Liêng”, thu giữ tại chiếu bạc số tiền 7.955.000 đồng, 01 bộ bài Túlokhơ 52 quân bài và 01 chiếc chiếu cói đã qua sử dụng.

Quá trình điều tra, T, N, H và Đ khai nhận: vào khoảng 21 giờ 30 phút ngày 02/3/2020, sau khi ăn tối xong, chờ đến nửa đêm để chuẩn bị hậu cần phục vụ lễ giỗ hợp kỵ vào sáng ngày 03/3/2020, cả bốn đã kéo nhau xuống bếp nhà T và rủ nhau đánh bài ăn tiền, dưới hình thức “phỏm”. Khi đánh được khoảng 15 phút thì có thêm B và S đến tham gia nên cả bọn chuyển sang hình thức đánh “Liêng”. Số tiền mỗi đối tượng sử dụng để đánh bạc cụ thể như sau: T (1.215.000 đồng), N (740.000 đồng), H (2.200.000 đồng), Đ (1.600.000 đồng), B (1.300.000 đồng), S (900.000 đồng). Do tiền đánh bạc đều để trên chiếu nên các đối tượng không xác định được thắng thua như thế nào.

Ngày 12/3/2020, cơ quan điều tra chuyển số tiền đánh bạc 7.955.000 đồng vào Kho bạc nhà nước huyện Đô Lương bảo quản theo Biên bản giao nhận tài sản số 01/2020/BBBG-KBĐL.

Ngày 20/3/2020, cơ quan điều tra chuyển số vật chứng là 01 bộ bài Túlôkhor 52 quân bài và 01 chiếc chiếu cói đã qua sử dụng sang Chi cục thi hành án dân sự huyện Đô Lương bảo quản.

Tại Quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn số 34/QĐ-VKS-ĐL ngày 20/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An truy tố bị cáo Nguyễn Đình T, Nguyễn Đình N, Nguyễn Trọng H, Nguyễn Trọng Đ, Nguyễn Đức B, Nguyễn Gia S về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà:

- Các bị cáo thừa nhận: vào đêm ngày 02/3/2020, khi đang đánh bạc dưới hình thức “Liêng” tại nhà Nguyễn Đình T ở xóm T, xã M, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An thì bị Công an xã M bắt quả tang, thu giữ số tiền 7.955.000 đồng dưới chiếu bạc, 01 bộ bài và 01 chiếc chiếu cói. Bị cáo N, T có ông bà nội là người có công với cách mạng được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhì; bị cáo Đ, B có bố mẹ là người có công với cách mạng được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhì; bị cáo S có mẹ là người có công với cách mạng, tham gia thanh niên xung phong bảo vệ tổ quốc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo phạm tội Đánh bạc và đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Đình T từ 07 tháng tù đến 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thử thách từ 14 tháng đến 20 tháng; xử phạt Nguyễn Trọng Đ từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điều 36 Bộ luật hình sự xử phạt Nguyễn Đức B từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ; xử

phạt Nguyễn Gia S từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự xử phạt Nguyễn Đình N từ 07 tháng đến 10 tháng tù.

Về biện pháp tư pháp: áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền sử dụng để đánh bạc 7.955.000 đồng; tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ và chiếc chiếu cói. Các bị cáo phải chịu án phí theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi tố tụng và quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử:

- Trong quá trình điều tra: Điều tra viên được phân công điều tra đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng về việc kiểm tra, xác minh, lập hồ sơ giải quyết nguồn tin về tội phạm; lập hồ sơ vụ án; hỏi cung bị can; xử lý vật chứng; giao nhận các văn bản tố tụng đúng thời hạn.

- Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Kiểm sát viên đã thực hiện nghiêm túc hoạt động kiểm sát điều tra; tham gia phiên tòa đúng thời gian, địa điểm; công bố bản cáo trạng; tham gia xét hỏi, luận tội, tranh luận và phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án đồng thời thực hiện việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Tòa án cũng như người tham gia tố tụng trong giai đoạn xét xử.

Do các hành vi tố tụng và quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên đều tuân thủ quy định của Bộ luật tố tụng hình sự nên hợp pháp và được sử dụng làm chứng cứ để Hội đồng xét xử xem xét.

[2] Về nội dung:

Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như quyết định truy tố. Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, vật chứng được thu giữ và các chứng cứ, tài liệu khác có tại hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở kết luận: tại xóm T, xã M, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An, vào lúc 21 giờ 30 phút đến 23 giờ 30 phút, ngày 02/3/2020, Nguyễn Đình T, Nguyễn Đình N, Nguyễn Trọng Đ, Nguyễn Trọng H, Nguyễn Đức B và Nguyễn Gia S đã thực hiện hành vi đánh bạc trái phép với tổng số tiền đánh bạc là 7.955.000 đồng. Như vậy, hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự. Nên, Tòa án chấp nhận xác định tội danh và khung hình phạt đối với các bị cáo theo truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương.

Xét tính chất vụ án: hành vi của các bị cáo có tính chất và mức độ nguy hiểm không lớn cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến trật tự công cộng, gây ảnh

hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an trên địa bàn. Trong tình hình hiện nay, tệ nạn đánh bạc đang gây nên nổi bức xúc cho toàn xã hội, làm ảnh hưởng đến thuần phong mỹ tục và ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống kinh tế của bản thân, gia đình và xã hội. Các bị cáo phạm tội trong trường hợp đồng phạm giản đơn, không có sự câu kết chặt chẽ và cần phân hóa vai trò của các bị cáo để quyết định mức hình phạt phù hợp với tính chất và mức độ phạm tội của mỗi bị cáo.

Bị cáo T là người cung cấp địa điểm, công cụ phạm tội (bài túlôkhor, chiếu), tham gia tích cực từ đầu đến khi bị bắt quả tang nên phải chịu trách nhiệm chính, cao nhất trong vụ án.

Bị cáo N, H và Đ là những người thực hành tích cực, cùng tham gia từ đầu đến khi bị bắt quả tang nên phải chịu trách nhiệm ngang nhau và cao thứ hai trong vụ án.

Bị cáo S, B cũng là người thực hành tích cực, tham gia đánh bạc nhưng với thời gian ít hơn nên chịu trách nhiệm ngang nhau và thấp nhất trong vụ án.

Xét: các bị cáo phạm tội chủ yếu do ham vui trong điều kiện gia đình có giỗ kỵ và có mối quan hệ thân thích với nhau, tính sát phạt ăn thua không đáng kể; có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải (điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự); bị cáo T, H, Đ, B, S phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng (điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự). Các bị cáo T, N, S, Đ, B có người thân là người có công với cách mạng (tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự) nên cần xem xét giảm nhẹ một phần khi quyết định hình phạt để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Bị cáo T, H, Đ, B, S có nơi cư trú rõ ràng, quá trình sinh hoạt và lao động tại địa phương luôn chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của nhà nước nên thấy không cần thiết phải cách ly ra khỏi xã hội và áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo T, bị cáo H, bị cáo Đ; áp dụng Điều 36 Bộ luật hình sự đối với bị cáo B, bị cáo S, cho các bị cáo cải tạo tại địa phương dưới sự giám sát giáo dục của chính quyền địa phương như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp. Do bị cáo S, bị cáo B có điều kiện kinh tế khó khăn nên không khấu trừ thu nhập.

Riêng bị cáo N đã có tiền án, chưa được xóa án tích nên phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm (là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự) và cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc hơn so với các bị cáo khác, cách ly ra khỏi xã hội một thời gian mới đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

Về hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về biện pháp tư pháp:

Số tiền đánh bạc 7.955.000 đồng là công cụ phạm tội, cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Các vật chứng gồm: 01 bộ bài túlơkhor và 01 chiếc chiếu cói là công cụ phạm tội, không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

Về án phí: các bị cáo Nguyễn Đình T, Nguyễn Đình N, Nguyễn Trọng H, Nguyễn Trọng Đ, Nguyễn Đức B, Nguyễn Gia S phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Đình T, Nguyễn Đình N, Nguyễn Trọng H, Nguyễn Trọng Đ, Nguyễn Đức B, Nguyễn Gia S phạm tội "**Đánh bạc**".

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình T **08** (Tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thử thách 01 năm 04 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 31/3/2020).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng Đ **07** (Bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thử thách 01 năm 02 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 31/3/2020).

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng H **07** (Bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thử thách 01 năm 02 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 31/3/2020).

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 điều 51; Điều 36 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức B **06** (Sáu) tháng cải tạo không giam giữ, nhưng được trừ 03 ngày tạm giữ (từ ngày 03/3/2019 đến ngày 06/3/2019) = 09 ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ còn phải chấp hành là 05 tháng 21 ngày. *Thời điểm bắt đầu tính thời gian cải tạo không giam giữ là ngày Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An nhận được Bản sao bản án và Quyết định thi hành án. Không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.*

Xử phạt bị cáo Nguyễn Gia S **06** (Sáu) tháng cải tạo không giam giữ, nhưng được trừ 03 ngày tạm giữ (từ ngày 03/3/2019 đến ngày 06/3/2019) = 09 ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ còn phải chấp hành là 05 tháng 21 ngày. *Thời điểm bắt đầu tính thời gian cải tạo không giam giữ là ngày Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An nhận được Bản sao bản án và Quyết định thi hành án. Không khấu trừ thu nhập đối với bị*

cáo.

Giao các bị cáo T, H, Đ, B, S cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An giám sát giáo dục trong thời gian thử thách và cải tạo không giam giữ. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã M trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo. Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật thi hành án hình sự.

Các bị cáo T, H, Đ phải thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật thi hành án Hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, bị cáo B, bị cáo S phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật thi hành án hình sự và một số công việc lao động phục vụ cộng đồng. Thời gian phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong 01 tuần.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình N **07** (Bảy) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án nhưng được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 03/3/2020 đến ngày 06/3/2020.

- Xử lý vật chứng: áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Tịch thu vào ngân sách nhà nước số tiền 7.955.000 đồng hiện đang được bảo quản tại Kho bạc nhà nước huyện Đô Lương theo Biên bản giao nhận tài sản số 01/2020/BBBG-KBĐL ngày 12/3/2020.

+ Tiêu hủy 01 bộ bài túlôkhor và 01 chiếc chiếu cói hiện đang được bảo quản tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đô Lương theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 20/3/2020.

- Về án phí: áp dụng Khoản 2 Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Nguyễn Đình T, Nguyễn Đình N, Nguyễn Trọng H, Nguyễn Trọng Đ, Nguyễn Đức B, Nguyễn Gia S, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Các Bị cáo;
- VKSND huyện Đô Lương;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- CQĐT Công an huyện Đô Lương;
- CQTHAHS huyện Đô Lương;
- CCTHADS huyện Đô Lương;
- Lưu HS, VP

THẨM PHÁN

Lưu Thị Hồng Thắm